

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần chứng khoán Eurocapital
Năm: 2012.

1. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán EUROCAPITAL.
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: Số 80/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 01 năm 2008. Giấy phép bổ sung điều chỉnh sửa đổi số 274/UBCK – GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/11/2009. Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/01/2013.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, số 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.
- Điện thoại: 04 3514 4444
- Fax: 04 3514 8947
- Website: www.eurocapital.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần chứng khoán Eurocapital thành lập ngày 25/01/2008 với giấy phép số 80/UBCK-GP được UBCKNN cấp.
- 25/01/2008: Được cấp giấy chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán theo giấy phép số 12/UBCK- GCN do UBCKNN cấp.
- 15/05/2008: Được công nhận thành viên giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo giấy phép số 172/QĐ-TTGDHN do TTGDCK Hà Nội cấp.
- 05/06/2008: Được công nhận tư cách thành viên giao dịch tại SGDCK Tp.HCM theo giấy phép số 80/QĐ-SGDHCM do SGDCK Tp.HCM cấp.

- Ngày 05/11/2009 công ty cổ phần chứng khoán Eurocapital thay đổi người đại diện theo pháp luật, Ông Nguyễn Cảnh Sơn – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của công ty.
 - Ngày 05/11/2009 thay đổi trụ sở công ty từ 25 Láng Hạ sang 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
 - 18/03/2010: Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital tại Tp Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động theo công văn số 185/QĐ-UBCK được UBCKNN cấp.
 - 08/06/2011: Đóng cửa Chi nhánh CTCP Chứng khoán Eurocapital tại Tp Hồ Chí Minh theo công văn số 419/QĐ- UBCK do UBCKNN cấp.
 - 30/05/2011: Chính thức đưa phần mềm giao dịch mới đi vào hoạt động nhằm mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ cho khách hàng và nâng cao hiệu quả quản lý.
 - Ngày 03/01/2013 công ty cổ phần chứng khoán Eurocapital thay đổi người đại diện theo pháp luật, Bà Ngô Thị Hồng Ánh – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của công ty.
3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*
- Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; và các dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật.*
 - Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.
4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội cổ đông, ban kiểm soát, hội đồng quản trị, ban điều hành đứng đầu là tổng giám đốc, quản lý điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để giải quyết các công việc cụ thể.
 - Cơ cấu bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Đẩy mạnh khai thác thế mạnh hiện có của công ty về hệ thống phần mềm giao dịch hiện đại, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng ... nhằm phát triển mạng lưới khách hàng rộng khắp.
- Thiết lập bộ máy tổ chức tập trung, tinh gọn, đa năng, hiệu quả với mục tiêu phát huy tối đa vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu công ty và các bộ phận.
- Từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản, qui trình qui chế, nhằm tăng cường tính minh bạch, quản trị rủi ro và hiệu quả trong điều hành hoạt động công ty.
- Chiến lược phát triển trung & dài hạn: trở thành một trong những công ty chứng khoán mạnh trên thị trường, phần đầu top 15 của ngành.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro từ môi trường kinh doanh vĩ mô: Những biến động các các yếu tố vĩ mô như : chính sách phát triển kinh tế vĩ mô, lạm phát, lãi suất, CPI, luật áp dụng trong

hoạt động kinh doanh chứng khoán luôn tạo ra những rủi ro cho thị trường chứng khoán, các doanh nghiệp, các công ty chứng khoán.

- Rủi ro cạnh tranh: Hiện nay có hơn 100 công ty chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Tuy nhiên thị phần mỗi giới đều tập trung vào các công ty chứng khoán hàng đầu, do đó, ECC cần phải đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ tài chính, chính sách thu hút khách hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Rủi ro từ hoạt động kinh doanh nội bộ của công ty: về chính sách phát triển, nhân sự, kế hoạch kinh doanh... trong chính nội tại của ECC. Nếu định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh không tốt sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển của ECC trong tương lai.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2012, thị trường chứng khoán của Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc, giá trị giao dịch toàn thị trường tăng giúp cho doanh thu môi giới của Công ty tăng 27,26%. Doanh thu hoạt động tư vấn và doanh thu khác của Công ty cũng tăng đáng kể giúp cho tổng doanh thu của Công ty tăng 23,29% so với năm 2011.

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012 giảm 70,55% so với năm 2011 nhờ chủ yếu vào việc hoàn nhập dự phòng danh mục chứng khoán tự doanh của Công ty. Nhờ các biện pháp cắt giảm chi phí nên chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 của Công ty giảm đáng kể, chỉ bằng 83% so với năm 2011.

Nhờ vậy, trong năm 2012, công ty đã đạt 2,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế so với kết quả lỗ 15 tỷ năm 2011. Tuy đây chưa phải là mức lợi nhuận lớn nhưng cũng là một kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn rất nhiều khó khăn, còn nhiều công ty chứng khoán có kết quả lỗ trong năm 2012.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Trong năm 2012, doanh thu của Công ty đạt 118% so với kế hoạch. Tuy nhiên do chi phí thực tế bằng 186% so với kế hoạch nên lợi nhuận năm 2012 chỉ bằng 38% so với kế hoạch. Chi phí thực tế tăng cao so với kế hoạch do VNIndex chưa đạt được như mức dự báo của Công ty nên giá trị hoàn nhập dự phòng danh mục chứng khoán tự doanh chưa đạt được như kế hoạch mà Công ty đã đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách ban điều hành: 02 người gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc.
- Những thay đổi trong ban điều hành

Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát của các ông/bà sau:

- Ông Nguyễn Cảnh Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Ngô Chí Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Ngô Phương Chí – Thành viên Hội đồng quản trị
- Bà Vũ Thị Dung, Trưởng ban kiểm soát
- Ông Vương Đình Hoài, Thành viên ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Đức Hương, Thành viên ban kiểm soát

Bổ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát cho các ông/bà sau:

- Bà Ngô Thị Hồng Ánh – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà Mai Thị Minh Thu – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Vũ Tiến Đức – Thành viên Hội đồng quản trị
- Bà Trần Thị Bảo Ngọc, Thành viên
- Bà Bùi Hạ Ý Nhi, Thành viên
- Bà Quách Mai Văn, Thành viên

— Số lượng cán bộ nhân viên của ECC: 20 người.

Mặc dù trong năm 2012, tình hình kinh doanh của ECC gặp nhiều khó khăn và thách thức, Ban lãnh đạo công ty luôn ưu tiên thực hiện và giải quyết đầy đủ chính sách, chế độ cho cán bộ nhân viên theo luật lao động, đồng viên cán bộ nhân viên cùng công ty vượt qua thách thức khó khăn, tiếp tục hoàn thiện tốt các nhiệm vụ trong năm 2012.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có phát sinh.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	95.255.199.036	436.365.554.731	358,1
Doanh thu thuần	14.044.895.528	17.315.318.931	23,29
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(14.318.852.797)	2.538.975.048	117,73
Lợi nhuận khác	(785.278.970)	3.898.929	100,5
Lợi nhuận trước thuế	(15.104.131.767)	2.542.873.977	116,84
Lợi nhuận sau thuế	(15.104.131.767)	2.542.873.977	116,84
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(1.007)	170	116,84

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	10.92	1.24	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	10.92	1.24	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.08	0.79	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.09	3.86	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.15	0.04	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(1.08)	0.15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(15,85%)	0,58%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(101,95%)	14,66%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(17,3%)	2,83%	
+			

3 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 15.000.000 cổ phần
- Cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

b/ Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông tổ chức: 12,33%
- Cổ đông cá nhân: 87,67%
- Cổ đông trong nước: 100%
- Cổ đông nước ngoài: 0%
- Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên: 86,08%

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d/ Giao dịch cổ phiếu Quỹ: không có

e/ Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2012, Tổng doanh thu ECC đạt được trên 14,6 tỷ đồng, chỉ tiêu doanh thu của từng mảng hoạt động như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị năm 2012	Tỷ trọng	Giá trị năm 2011	% tăng trưởng
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3,165,453,975	18%	2,487,372,258	27%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1,694,897,593	10%	2,287,673,551	-26%
Doanh thu hoạt động tư vấn	2,329,090,909	13%	445,454,546	423%
Doanh thu khác	10,125,876,454	58%	8,824,395,173	15%
Tổng	17,315,318,931	100%	14,044,895,528	

So với kế hoạch, tổng doanh thu của ECC năm 2012 tăng hơn 18%, tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận chỉ đạt được 38% so với kế hoạch của cả năm.

Khoản mục	Kế hoạch 2012 (đồng)	Kết quả 2012 (đồng)	So với kế hoạch
Tổng doanh thu	14,687,000,000	17,315,318,931	118%
Lợi nhuận trước thuế	6,729,000,000	2,542,873,977	38%

2. Tình hình tài chính

Khoản mục	Năm 2012	Năm 2011	Tăng/giảm
-----------	----------	----------	-----------

Tài sản ngắn hạn	0,492,256,468	87,032,362,836	394.63%
Tài sản dài hạn	5,873,298,263	8,222,836,200	-28.57%
Nợ ngắn hạn	346,537,572,586	7,970,090,868	4247.98%
Nợ dài hạn	0	0	0.00%

Năm 2012 tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn có sự tăng đột biến do khoản đặt cọc mua chứng khoán của khách hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2012, công ty không có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong bối cảnh, kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn thách thức nên thị trường chứng khoán trong năm 2013 sẽ còn nhiều rủi ro khó lường có thể xảy ra.

Chính vì vậy, trong năm 2013, ECC sẽ cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, chú trọng đến việc khai thác và chăm sóc khách hàng để mở rộng thị phần môi giới.

Đối với mảng tư vấn, ECC sẽ tiếp tục triển khai các dịch vụ tư vấn truyền thống, đồng thời chú trọng khai thác mảng tư vấn tái cấu trúc, sát nhập doanh nghiệp, tư vấn và làm trung gian thu xếp vốn của doanh nghiệp.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Năm 2012, Công ty TNHH DFK Việt Nam đã thực hiện kiểm toán công ty cổ phần chứng khoán Eurocapital và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn bộ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm 2012, với tinh thần chủ động vượt khó, Ban giám đốc đã đề ra các định hướng chiến lược để phát triển, tuy nhiên, do điều kiện thị trường nên công ty mới chỉ hoàn thành 38% chỉ tiêu lợi nhuận so với kế hoạch đề ra.

Năm 2012, tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các qui định của pháp luật hiện hành.

Công ty chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đạt được sự tin tưởng và hài lòng của khách hàng.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục bám sát tình hình hoạt động của công ty từ đó đưa ra các chiến lược phù hợp hỗ trợ Ban tổng giám đốc trong hoạt động điều hành công ty.

Mục tiêu năm 2013, ECC sẽ phát triển bền vững, an toàn tài chính, quản trị rủi ro.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Theo số liệu chốt ngày 31/12/2012

STT	Họ tên	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chức vụ tại công ty
1	Ngô Thị Hồng Ánh	6,826,194	45,5%	Chủ tịch HĐQT
2	Vũ Tiến Đức		11%	Thành viên HĐQT- Phó TGĐ

		1,650,000		
3	Mai Thị Minh Thu	1,653,306	11%	Thành viên HĐQT – Thành viên độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: - Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chế độ họp theo qui định và theo yêu cầu về nâng cao tính quản trị đối với các hoạt động của công ty.

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị có 3 cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản về nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền.

HĐQT thường xuyên thảo luận và thống nhất các định hướng phát triển cho ECC, chỉ đạo Ban điều hành ECC thực hiện các hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy. Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty thường xuyên về các mặt hoạt động kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn của công ty.

HĐQT theo dõi và cập nhật thường xuyên hoạt động của công ty thông qua các báo cáo của ban Tổng giám đốc, ban kiểm soát.

Để đáp ứng yêu cầu quản trị, HĐQT cũng cử ông Ngô Phương Chí là thành viên thường trực để giám sát Ban điều hành thực hiện các hoạt động theo nghị quyết của HĐQT, phù hợp với các quy định của công ty và của luật, đồng thời hỗ trợ Ban điều hành hoàn thành các nhiệm vụ và kế hoạch đã được HĐQT và Đại hội Đồng cổ đông giao.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Ông Ngô Chí Dũng – Thành viên HĐQT không tham gia điều hành đã tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến cho công ty trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Ông Nguyễn Cảnh Sơn, Ông Ngô Phương Chí,

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Theo số liệu chốt ngày 31/12/2012.

STT	Họ tên	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chức vụ tại công ty
1	Trần Thị Bảo Ngọc	10,000	0.07%	Thành viên BKS
2	Bùi Hạ Ý Nhi	-	0%	Thành viên BKS
3	Quách Thị Mai Vân	-	0%	Thành viên BKS

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tiến hành 5 phiên họp để triển khai các công việc của ban kiểm soát và thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên trên các mặt hoạt động của công ty.

Sau các đợt kiểm tra, ban kiểm soát đều đưa ra các kết luận đánh giá khách quan thực trạng và đưa ra các tồn tại cần khắc phục. Qua kết quả kiểm tra đã giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát qui trình nghiệp vụ để xuất các biện pháp để khắc phục một số sai sót, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc quản lý và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2012, mức thù lao cho mỗi thành viên ban kiểm soát thường trực là 2 triệu đồng/người. Các thành viên HĐQT thống nhất năm 2012 sẽ hoạt động trên cơ sở không nhận thù lao.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Giao dịch của cổ đông nội bộ:

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP năm giữ trước giao dịch	Số lượng cổ phiếu sau giao dịch (số liệu ngày 31/12/2013)
1	Nguyễn Cảnh Sơn	1.950.000	0
2	Ngô Chí Dũng	1.886.000	0
3	Ngô Phương Chí	425.000	0
4	Ngô Thị Hồng Ánh	0	6.826.194
5	Mai Thị Minh Thu	0	1.653.306
6	Vũ Tiến Đức	0	1.650.000
7	Nguyễn Đức Hướng	10.000	0
9	Trần Thị Bảo Ngọc	0	10.000

Giao dịch của người có liên quan

STT	Tên cổ đông	Người có liên quan đến cổ đông nội bộ:	Số lượng CP năm giữ trước giao dịch	Số lượng cổ phiếu sau giao dịch
1	Ngô Thanh Hằng	Ngô Chí Dũng	60.000	30.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Ngô Phương Chí	180.000	0

3	Lê Thị Song Lê	Nguyễn Đức Hường	25.000	0
---	----------------	---------------------	--------	---

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã xây dựng qui chế quản trị công ty. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản trị, quản lý công ty, đảm bảo hiệu quả quản trị của HĐQT và ban điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 12-01-096

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013, như được trình bày từ trang 5 đến trang 30. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 26 tháng 3 năm 2012.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi cũng đánh

giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hoặc các chuẩn mực và chế độ kế toán được chấp nhận (nếu có) tại Việt Nam bao gồm cả việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng, các ước tính kế toán và các xét đoán quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.

PHẠM THẾ HƯNG

Giám đốc

*Chứng chỉ Kiểm toán
viên*

Số: 0495/KTV

NGUYỄN TIỀN DŨNG

Kiểm toán viên

*Chứng chỉ Kiểm toán
viên*

Số: 0800/KTV

HÀ NỘI

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2012	31.12.2011 (Trình bày lại)
A. Tài sản ngắn hạn	100		430.492.256.468	87.032.362.836
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	87.740.241.141	46.457.693.636
1. Tiền	111		20.727.138.959	9.157.693.636
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.013.102.182	37.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	7.218.615.660	28.492.718.240
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.179.726.356	44.800.259.690
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.961.110.696)	(16.307.541.450)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		334.994.639.413	11.678.673.891
1. Phải thu khách hàng	131		3.000.000	530.999.999
2. Trả trước cho người bán	132		3.715.920	8.734.920
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	334.764.436.611	10.635.045.173
5. Các khoản phải thu khác	138	6.1	308.986.882	628.393.799
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(85.500.000)	(124.500.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		538.760.254	403.277.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	488.162.033	273.182.819
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	50.598.221	130.094.250
B. Tài sản dài hạn	200		5.873.298.263	8.222.836.200
II. Tài sản cố định	220		4.442.532.776	6.700.119.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.977.743.372	2.818.641.811
- Nguyên giá	222		5.429.806.876	5.429.806.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.452.063.504)	(2.611.165.065)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.464.789.404	3.881.477.912
- Nguyên giá	228		5.547.943.000	5.537.943.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.083.153.596)	(1.656.465.088)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.430.765.487	1.522.716.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	467.627.877	664.993.065
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		807.317.667	701.903.469
4. Tài sản dài hạn khác	268		155.819.943	155.819.943

Tổng cộng tài sản

270

436.365.554.731

95.255.199.036

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Thuyết		31.12.2012	31.12.2011
	Mã số	minh		
			346.537.572,58	
A. Nợ phải trả	300		6	7.970.090,868
			346.537.572,58	
I. Nợ ngắn hạn	310		6	7.970.090,868
2. Phải trả người bán	312		524.148,198	454.278,198
3. Người mua trả tiền trước	313		107.938,750	120.476,716
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	219.503,156	79.771,163
5. Phải trả người lao động	315		5.173,143	1.101,353
6. Chi phí phải trả	316	14	3.077.574,665	228.195,694
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	7.658.115,633	2.284.924,725
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	335.206,582,22	9
9. Phải trả bộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		527,700	49,300
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		53.672,600	72,600
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(315.663,488)	(316.500,000)
B. Vốn chủ sở hữu	400		89.827.982,145	87.285.108,168
I. Vốn chủ sở hữu	410		89.827.982,145	87.285.108,168
			150.000.000,00	150.000.000,00
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		165.792,343	165.792,343
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.050.433,903	1.050.433,903
			(61.388.244,101)	(63.931.118,07
10. Lô lũy kế	420		)	8)
			436.365.554,73	
Tổng cộng nguồn vốn	440		1	95.255.199,036

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam
Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31.12.2012	31.12.2011
6. Chứng khoán lưu ký	006		185.418.490.000	178.852.560.000
<i>Trong đó:</i>				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		176.855.490.000	176.863.190.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		4.210.930.000	13.135.110.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		172.644.560.000	163.728.080.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		6.000.000	380.000.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		6.000.000	380.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		8.544.000.000	1.438.400.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		8.544.000.000	1.438.400.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		13.000.000	170.970.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038			4.450.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		13.000.000	166.520.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		245.700.000	245.700.000

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

(đã ký)
NGÔ BÍCH THANH
Tổng Giám đốc

(đã ký)
NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Kế toán trưởng

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu	01	18	17.315.318.931	14.044.895.528
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.165.453.975	2.487.372.258
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.694.897.593	2.287.673.551
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.329.090.909	445.454.546
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
			10.125.876,45	
- Doanh thu khác	01.9		4	8.824.395.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
			17.315.318.931	14.044.895.528
3. Doanh thu về hoạt động kinh doanh	10		1	8
			(4.821.493.99	16.368.584.83
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	3)	5
			12.493.824,93	(2.323.689,30
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		8	7)
			(9.954.849,89	11.995.163,49
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	0)	0
			-	(14.318.852,7
7. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.538.975.048	97)
8. Thu nhập khác	31		9.639.718	563.167.695
9. Chi phí khác	32		(5.740.789)	1.348.446.665
10. Lợi nhuận khác	40		3.898.929	(785.278.970)
				(15.104.131,7
11. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.542.873.977	67)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
				(15.104.131,7
14. Lợi nhuận sau thuế	60		2.542.873.977	67)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	170	(1.007)

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

(đã ký)

NGÔ BÍCH THANH

Tổng Giám đốc

(đã ký)

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	2012	2011 (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.542.873.977	(15.104.131.767)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.267.586.947	2.181.149.450
Các khoản dự phòng	03	(11.385.430.754)	3.549.213.180
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.959.315.181)	(11.082.033.006)
Chi phí lãi vay	06	4.554.155.308	96.449.771
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(12.980.129.703)	(20.359.352.372)
		(324.010.855.70)	
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	9)	17.280.007.105
Thay đổi hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	32.620.533.334	21.593.722.280
Thay đổi các khoản phải trả	11	335.818.315.051	1.173.278.507
Thay đổi chi phí trả trước	12	(17.614.026)	627.672.918
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.804.988.641)	(96.449.771)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	200.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(41.848.165)	(241.243.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.583.412.141	20.177.635.201
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(10.000.000)	(3.411.775.800)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	481.818.182	49.737.451
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(30.000.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	30.000.000.000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.227.317.182	10.910.220.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.699.135.364	7.548.182.443
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.000.000.000	16.940.000.000
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	(16.940.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	41.282.547.505	27.725.817.644

Tiền tồn đầu năm	60	46.457.693,636	18.731.875,992
Tiền tồn cuối năm	70	87.740.241,141	46.457.693,636

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm					Số tăng/(giảm)			Số dư cuối năm	
		1.1.2011		1.1.2012		Tăng	Năm trước		Năm nay	Giá m	Số dư cuối năm
		1.1.2011	1.1.2012	1.1.2012	Tăng		Giảm	Tăng			
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	154.000.000,00	150.000.000,00	00	-	-	-	-	150.000.000,00	150.000.000,00	31.12.2012
2. Quỹ dự phòng tài chính		165.792.343	165.792.343		-	-	-	-	165.792.343	165.792.343	
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.050.433.903	1.050.433.903		-	-	-	-	1.050.433.903	1.050.433.903	
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(44.930.457,827)	(63.931.118,078)	103.471,5	(15.104.131,767)	2.542.873,977	(63.931.118,078)	(63.931.118,078)	(61.388.244,101)	(61.388.244,101)	
Tổng cộng		102.285.768,419	87.285.108,168	103.471,58	(15.104.131,767)	2.542.873,977	87.285.108,168	89.827.982,148	89.827.982,148	89.827.982,148	

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

(dấu ký)

(dấu ký)

NGÔ BÍCH THANH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ THANH THUY
Kế toán trưởng

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép thành lập và hoạt động đã được sửa đổi như sau:

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh Nội dung điều chỉnh

Lần 1 số 274/UBCK-GP ngày 5 tháng 11 năm 2009 Thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính và cổ đông sáng lập.

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy phép thành lập là 150 tỷ.

Theo Giấy phép thành lập, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

- *Môi giới chứng khoán;*
- *Tự doanh chứng khoán;*
- *Tư vấn đầu tư chứng khoán.*

Trong năm 2012, hoạt động chủ yếu của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử

dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, Công ty sử dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh;
- Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Trường hợp ngân hàng thương mại này không công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì phải quy đổi thông qua tỷ giá của một số đơn vị ngoại tệ chủ yếu mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng tại thời điểm đánh giá lại.

Trong năm, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và Thông tư 179 nói trên, cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định khi Công ty đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính;
- Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Công ty không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	3 - 5

2.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 - 8 năm.

2.8. Các khoản đầu tư

a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phần, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Giá trị ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phần, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ các khoản chia cổ tức của giai đoạn trước khi đầu tư sẽ được hạch toán giảm giá trị ban đầu các khoản đầu tư. Ngoài ra, từ năm 2011 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:

- i) Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).
- ii) Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- iii) Đối với chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá

trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán.

- iv) Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm: Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.10. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 1 đến 3 năm:

- Chi phí cải tạo hạ tầng sản giao dịch;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí khác.

2.11. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.12. Trích trợ cấp thôi việc

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp với mức đóng bởi mỗi bên là 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

b) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phần mua lại được phân loại là các cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

c) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phần ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

b) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận

được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Thuế hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuế.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.18. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.19. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.20. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Tiền mặt	63.326.352	19.739.722
Tiền gửi ngân hàng	9.853.489.376	1.741.415.971
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	3.206.582.229	5.117.721.119
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	7.603.741.002	2.278.816.824
Tiền gửi có kỳ hạn (1 tháng)	67.013.102.182	37.300.000.000
Tổng	87.740.241.141	46.457.693.636

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Nội dung	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng thực hiện trong năm
<i>Của công ty chứng khoán</i>	<i>1.031.120</i>	<i>19.101.058.000</i>
- Cổ phiếu	1.031.120	19.101.058.000
<i>Của nhà đầu tư</i>	<i>165.900.887</i>	<i>1.727.075.011.300</i>
- Cổ phiếu	165.900.887	1.727.075.011.300
	166.932.007	1.746.176.069.300

Xác nhận của của Công ty



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tiên Đào